

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG**
Số: 01/2024/QPH-ĐHĐCĐ-NQ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quế Phong, ngày 10 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, ngày 10 tháng 6 năm 2024 tại
Công ty cổ phần Thủy điện Quế Phong – Thị trấn Kim Sơn, Quế Phong, Nghệ An)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP thủy điện Quế Phong;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty CP thủy điện Quế Phong năm 2024 số: 01/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024;

QUYẾT NGHỊ

ĐIỀU I: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong thống nhất thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

1.1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TĐ Bản Cốc	TĐ Sao Va	Khác	Tổng cộng
1	Sản lượng điện	kWh				
	Sản lượng KH 2023	kWh	79.000.000	10.666.000		89.666.000
	Sản lượng TH 2023	kWh	72.041.978	10.494.842		82.536.820
	Tỷ lệ	%	91,19%	98,40%		92,05%
2	Doanh thu bán điện	Tỷ đồng				
	Doanh thu KH 2023	Tỷ đồng	102,739	14,102		116,841
	Doanh thu TH 2023	Tỷ đồng	86,116	11,661		97,777
	Tỷ lệ	%	82,82%	82,69%		83,68%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng				
	Kế hoạch	Tỷ đồng				61,966
	Thực hiện	Tỷ đồng				80,170
	Tỷ lệ	%				129,38%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng				
	Kế hoạch	Tỷ đồng				58,867
	Thực hiện	Tỷ đồng				72,326
	Tỷ lệ	%				122,86%

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TĐ Bản Cốc	TĐ Sao Va	Tổng cộng
1	Sản lượng	kWh	79.000.000	10.666.000	89.666.000
2	Doanh thu	Tỷ đồng	112,948	15,480	128,428
	Tiền bán điện		102,739	14,102	116,841
	Tiền thuế TN cộng vào giá bán		7,365	994	8,359
	Tiền phí dịch vụ MTR cộng vào giá bán		2,844	384	3,228
3	Doanh thu hoạt động tài chính				8,000
4	Doanh thu khác				-
4	Chi phí		26,436	5,461	71,462
	Chi phí tiền lương				6,000
	Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên		3,388	1,548	4,936
	Chi phí thuế TN		7,365	0,994	8,359
	Phí dịch vụ MTR		2,844	0,384	3,228
	Chi phí quản lý		5,647	1,548	7,195
	Chi phí sửa chữa lớn		7,192	0,987	8,179
	Chi phí khấu hao TSCĐ				31,564
	Chi phí lãi vay				2,000
5	Chi phí khác				3,000
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng			61,966
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng			58,867
8	Trả cổ tức	%/VĐL			20

- Báo cáo của Hội đồng quản trị.** (Chi tiết theo báo cáo số: 06 /QPH-HĐQT-BC ngày 10/6 /2024 của HĐQT kèm theo).
- Báo cáo hoạt động của BKS năm 2023 và Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2024.** (Chi tiết theo báo cáo số: 01/BC/BKS-TĐQP ngày 10/6/2024 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong kèm theo).
- Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.**

Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính hợp nhất	Báo cáo tài chính riêng
Tổng tài sản	527.917.638.867	494.562.849.514
Tài sản ngắn hạn	379.347.187.145	355.009.227.521
Tài sản dài hạn	148.570.451.722	139.553.621.993
Nợ phải trả	86.151.065.430	84.214.740.558

Nguồn vốn chủ sở hữu	441.766.573.437	410.348.108.956
Doanh thu thuần	110.910.192.863	98.495.466.552
Doanh thu khác		-
Doanh thu hoạt động tài chính	24.958.492.651	23.615.741.357
Lợi nhuận trước thuế	80.170.375.108	74.722.503.229
Lợi nhuận sau thuế	72.326.456.430	67.366.276.291

(Chi tiết có Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phía Bắc kèm theo).

5. Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm thích hợp để chi trả cho cổ đông:

STT	Nội dung	Tiêu chí	Số tiền
I	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2023		234.499.855.791
	Lợi nhuận sau thuế năm 2023		72.326.456.430
	Lợi nhuận các năm trước để lại		162.173.399.361
II	Lợi nhuận sau thuế được phân phối		234.499.855.791
1	Cổ tức dự kiến chi bằng tiền mặt	20% x VDL	37.166.200.000
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3% x LNST	2.169.793.693
3	Lợi nhuận để lại		195.163.862.098

6. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

6.1 Thực hiện năm 2023:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chức danh	Số người	KH thù lao	TH thù lao	KH tiền lương	TH tiền lương	Chênh lệch
1	Chủ tịch HĐQT	1			490	490	0
2	Thành viên HĐQT	3	168	168			0
3	Trưởng BKS	1	56	56			0
4	Thành viên BKS	2	84	84			0
5	Thư ký HĐQT	1	42	42			0
	Cộng	8	350	350	490	490	0

- Dự toán tổng mức lương và thù lao HĐQT, BKS theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty: 840.000.000 đồng

- Tổng chi trả tiền lương, thù lao HĐQT và BKS của Công ty trong năm 2023 là: 840.000.000 đồng.

6.2. Kế hoạch năm 2024:

- Khi tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh (doanh thu, lợi nhuận) của Công ty $\geq 100\%$ kế hoạch năm, dự toán tổng mức Lương, thù lao Thành viên Hội đồng quản trị, thù lao Ban kiểm soát tối đa như sau:

TT	Chức danh	Thù lao (đ/ người/th)	Tiền lương (đ/th)	Số tiền (đ/năm)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT		35.000.000	490.000.000	C.trách
2	Thành viên HĐQT (03 người)	4.000.000		168.000.000	
3	Trưởng BKS (01 người)	4.000.000		56.000.000	
4	Thành viên BKS (02 người)	3.000.000		84.000.000	
5	Thư ký HĐQT	3.000.000		42.000.000	
	Cộng			840.000.000	

- Khi tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh (doanh thu, lợi nhuận) của Công ty $< 100\%$ kế hoạch năm: Lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Lương thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành Công ty, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tương ứng với hạng doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 23/TTLT -BLĐTBXH-BTC ngày 31/08/2005.

7. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BC tài chính năm 2024:

Đại hội thống nhất biểu quyết lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán và định giá quốc tế IAV thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty;

ĐIỀU II: Giao Hội đồng quản trị Công ty tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và báo cáo tại Đại hội đồng Cổ đông Công ty kỳ tới.

ĐIỀU III: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2024. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty theo chức năng, nhiệm vụ căn cứ Quyết nghị thực hiện./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban TGD (để t/h);
- BKS Công ty;
- Website Công ty;
- Lưu VT, VP HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

CHỦ TỊCH HĐQT



Thái Phong Nhã